

Số: 98 43/CT-TTHT
V/v trả lời chính sách thuế.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: Công ty CP K. Hệ thống
(Đ/c: Tầng 6, Tòa nhà CT1, Tòa nhà Bắc Hà C14, Phố Tố Hữu, Phường Trung
Vân, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội)
MST: 0103089225

Trả lời công văn số 171211/CV-CT ngày 11/12/2017 và công văn bổ sung hồ sơ số 171229/CV-CT ngày 29/12/2017 của Công ty CP K. Hệ thống hỏi về chính sách thuế, Cục thuế Thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội quy định:

+ Tại Điều 10 quy định:

*“Điều 10. Hình thức thể hiện thông điệp dữ liệu
Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác.”*

+ Tại Điều 33 quy định:

*“Điều 33. Hợp đồng điện tử
Hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu theo quy định của Luật này.”*

- Căn cứ Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định:

*“Điều 86. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ
1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ gồm:*

*...
c) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.”*

- Căn cứ Phụ lục số 01 Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/04/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử.

- Căn cứ Điều 9 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật công nghệ thông tin và công nghiệp công nghệ thông tin quy định về hoạt động công nghiệp phần mềm quy định:

“Điều 9. Hoạt động công nghiệp phần mềm

2. Các loại sản phẩm phần mềm bao gồm:

a) Phần mềm hệ thống;

b) Phần mềm ứng dụng;

- c) Phần mềm tiện ích;
- d) Phần mềm công cụ,
- đ) Các phần mềm khác.

3. Các loại dịch vụ phần mềm bao gồm:

- a) Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin;
- b) Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm;
- e) Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;
- d) Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm;
- đ) Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;
- e) Dịch vụ tích hợp hệ thống;
- g) Dịch vụ bảo đảm an toàn, an ninh cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin;
- h) Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm;
- i) Các dịch vụ phần mềm khác.”

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT:

+ Tại Khoản 21 Điều 4 quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT

“Điều 4. Đối tượng không chịu thuế GTGT

21. ...Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.”

+ Tại Khoản 1 Điều 9 quy định thuế suất 0%:

“1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là hàng hoá, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:

- Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu;
- Hàng hóa bán vào khu phi thuế quan theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; hàng bán cho cửa hàng miễn thuế;
- Hàng hoá bán mà điểm giao, nhận hàng hoá ở ngoài Việt Nam;
- Phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam;
- Các trường hợp được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật:

+ Hàng hoá gia công chuyển tiếp theo quy định của pháp luật thương mại về hoạt động mua, bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công hàng hoá với nước ngoài.

+ Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật.

+ Hàng hóa xuất khẩu để bán tại hội chợ, triển lãm ở nước ngoài.

b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan.

Cá nhân ở nước ngoài là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung ứng dịch vụ. Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

...

+ Tại Khoản 2 Điều 9 quy định điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

"2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

a) Đối với hàng hoá xuất khẩu:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hoá xuất khẩu; hợp đồng uỷ thác xuất khẩu;

- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hoá xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này."...

b) Đối với dịch vụ xuất khẩu:

- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan;

- Có chứng từ thanh toán tiền dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

...

+ Căn cứ Khoản 7 Điều 14 quy định:

"Điều 14. Nguyên tắc khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

7. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này không được khấu trừ...."

+ Tại Điều 16 quy định về điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu:

"Điều 16. Điều kiện khấu trừ, hoàn thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu:

1. Hợp đồng bán hàng hoá, gia công hàng hóa (đối với trường hợp gia công hàng hóa), cung ứng dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài...

2. Tờ khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Đối với cơ sở kinh doanh xuất khẩu sản phẩm phần mềm dưới các hình thức tài liệu, hồ sơ, cơ sở dữ liệu đóng gói cứng để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào, cơ sở kinh doanh phải đảm bảo thủ tục về tờ khai hải quan như đối với hàng hoá thông thường.

Riêng các trường hợp sau không cần tờ khai hải quan:

- Đối với cơ sở kinh doanh xuất khẩu dịch vụ, phần mềm qua phương tiện điện tử thì không cần có tờ khai hải quan. Cơ sở kinh doanh phải thực hiện đầy đủ các quy định về thủ tục xác nhận bên mua đã nhận được dịch vụ, phần mềm xuất

C N
TH PH
A NỘI
CUC

khẩu qua phương tiện điện tử theo đúng quy định của pháp luật về thương mại điện tử.” ...

3. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu phải thanh toán qua ngân hàng.

4. Hóa đơn GTGT bán hàng hóa, dịch vụ hoặc hóa đơn xuất khẩu hoặc hóa đơn đối với tiền gia công của hàng hóa gia công.”

+ Tại Khoản 2 Điều 17 quy định về điều kiện khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp hàng hóa được coi như xuất khẩu:

“Điều 17. Điều kiện khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp hàng hóa được coi như xuất khẩu

2. Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật:

a) Hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hợp đồng gia công có chỉ định giao hàng tại Việt Nam;

b) Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ đã làm xong thủ tục hải quan;

c) Hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu ghi rõ tên người mua phía nước ngoài, tên doanh nghiệp nhận hàng và địa điểm giao hàng tại Việt Nam;

d) Hàng hóa bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng tại Việt Nam phải thanh toán qua ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này. Trường hợp người nhập khẩu tại chỗ được phía nước ngoài uỷ quyền thanh toán cho người xuất khẩu tại chỗ thì đồng tiền thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

đ) Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với quy định tại giấy phép đầu tư.”

- Căn cứ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính quy định:

+ Tại Khoản 7 Điều 3 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT như sau:

“7. Sửa đổi khoản 4 Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC như sau:

“Hóa đơn thương mại. Ngày xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan”.

+ Tại Khoản 1 Điều 5 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ như sau:

“1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Thông tư số 39/2014/TT-BTC như sau:

“2. Các loại hóa đơn:

a) Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu số 3.1 Phụ lục 3 và mẫu số 5.1 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này) là loại hóa đơn dành cho các tổ chức khai, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ trong các hoạt động sau:

- Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong nội địa;

- Hoạt động vận tải quốc tế;

- Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;

...”

Căn cứ các quy định trên, theo trình bày của Công ty CP K. Hệ thống tại công văn hỏi và hồ sơ Công ty cung cấp chỉ có bản mẫu hợp đồng kinh tế mà Công ty dự định ký, Cục thuế TP Hà Nội trả lời về mặt nguyên tắc như sau:

* Trường hợp Công ty CP K. Hệ thống ký hợp đồng cung cấp phần mềm (phần mềm quản trị doanh nghiệp, phần mềm Microsoft), hàng hóa (phần cứng) với Công ty A (là công ty nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam) và được Công ty A chỉ định giao, nhận hàng hóa với Công ty B tại Việt Nam thì:

+ Trường hợp Công ty CP K. Hệ thống cung cấp phần mềm thuộc danh mục sản phẩm phần mềm được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT và các dịch vụ phần mềm được quy định tại Điều 9 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT thì không được khấu trừ.

+ Trường hợp Công ty CP K. Hệ thống cung cấp hàng hóa cho Công ty A đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất thuế GTGT 0%.

Công ty thực hiện khấu trừ thuế GTGT theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC nêu trên.

* Trường hợp Công ty CP K. Hệ thống xuất khẩu phần mềm theo phương thức điện tử (chuyển giao hoàn toàn trên mạng internet) thì không cần có tờ khai hải quan, Công ty phải thực hiện đầy đủ các quy định về thủ tục xác nhận bên mua đã nhận được dịch vụ, phần mềm xuất khẩu qua phương tiện điện tử theo đúng quy định của pháp luật về thương mại điện tử quy định tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

- Công ty CP K. Hệ thống sử dụng hóa thương mại cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ phần mềm theo hướng dẫn tại Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC.

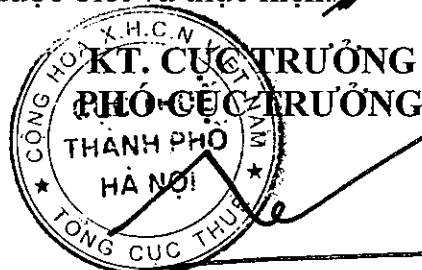
* Các vướng mắc khác của Công ty CP K. Hệ thống liên quan đến thủ tục hải quan không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục thuế TP Hà Nội, đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan Hải quan để được hướng dẫn cụ thể.

* Trường hợp còn vướng mắc, đề nghị Công ty cung cấp hồ sơ pháp lý, hợp đồng cụ thể và liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 1 – Cục Thuế TP Hà Nội để có cơ sở hướng dẫn cụ thể.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty được biết và thực hiện. //

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Pháp chế;
- Phòng Kiểm tra số 1;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6/3)



Mai Sơn